BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI VÒNG 2

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm/sinh		Vị trí tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (Điểm v2 + Điểm UT)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	1	Dương Nguyệt Anh		17/8/2002	Da liễu	BSYK	52.5		52.5	
2	2	Hoàng Quỳnh Anh		03/7/2002	Da liễu	BSYK	81.0		81.0	
3	3	Nguyễn Vân Anh		24/02/2001	HSTC-CĐ	BSYK	75.5	5	80.5	
4	4	Đặng Thị Ngọc Anh		22/01/2001	Ngoại TH-GM	BSĐK	58.5		58.5	
5	5	Nguyễn Ngọc Anh		28/6/2001	Thần kinh	BSYK	61.5		61.5	
6	6	Ma Thị Hải Anh		14/01/2002	Thần kinh	BSYK	43.5	5	48.5	
7	7	Nguyễn Thị Phương Anh		22/10/1999	Ung bướu	BSYK	39.5		39.5	
8	8	Nguyễn Văn Bảo	12/11/2000		LK-BVSK	BSYK	44.0		44.0	
9	9	Nguyễn Văn Chí	23/01/2002		Da liễu	BSYK	43.0		43.0	
10	10	Nguyễn Thị Thu Dung		10/8/2000	CĐHA&ĐQCT	BSYK	54.5		54.5	
11	11	Hoàng Hà Giang		20/9/2001	HSTC-CĐ	BSYK	78.0	5	83.0	
12	12	Trần Thị Hạnh		13/7/1999	Ung bướu	BSYK	53.5	5	58.5	
13	13	Đồng Thị Phương Hảo		26/6/2000	Da liễu	BSYK	55.0		55.0	
14	14	Nguyễn Thị Hiên		28/12/1999	Thần kinh	BSYK	62.5	5	67.5	
15	15	Nguyễn Thị Hiền		20/02/2002	LK-BVSK	BSYK	43.0		43.0	
16	16	Hoàng Văn Hiệp	05/02/2000		HSTC-CĐ	BSYK	0.0	5	5.0	Bỏ thi
17	17	Trần Thị Huệ		15/01/2001	Cấp cứu	BSYK	74.5		74.5	
18	18	Nguyễn Thị Hường		10/11/1999	CĐHA&ĐQCT	BSYK	32.5	5	37.5	
19	19	Nguyễn Lộc Hưởng	10/10/1999		HSTC-CĐ	BSYK	72.5		72.5	
20	20	Hoàng Phú Khang	12/5/2000		HSTC-CĐ	BSYK	31.0	5	36.0	
21	21	Trịnh Đức Kiên	25/4/2002		CĐHA&ĐQCT	BSYK	41.5		41.5	
22	22	Hoàng Thị Liễu		06/12/1998	HHLS	BSYK	69.5	5	74.5	
23	23	Lục Thị Thùy Linh		24/6/2001	HHLS	BSYK	29.0	5	34.0	
24	24	Vũ Thị Huyền Linh		09/4/1999	HSTC-CĐ	BSYK	47.5		47.5	
25	25	Nguyễn Thùy Linh		11/5/2002	Ung bướu	BSYK	46.5		46.5	
26	26	Mai Thanh Long	24/3/2002		CC-CTTM	BSYK	80.5	5	85.5	
27	27	Đặng Thu Mai		31/3/2002	HHLS	BSYK	78.0		78.0	
28	28	Nguyễn Thị Hoa Mai		10/7/1999	HSTC-CĐ	BSYK	39.0		39.0	
29	29	Nguyễn Kiều Mai		12/5/2001	Ung bướu	BSYK	62.5		62.5	
30	30	Nông Hải Minh		11/6/2002	Sơ sinh-CC nhi	BSYK	44.5	5	49.5	
31	31	Ma Thị Hương Na		02/4/2002	HHLS	BSYK	43.0	5	48.0	

32	32	Đinh Thảo Ngân		28/12/2001	HSTC-CĐ	BSYK	73.0		73.0	
33	33	Lương Thiều Như		19/9/2001	HSTC-CĐ	BSYK	58.5	5	63.5	
34	34	Nguyễn Hồng Nhung		26/6/2002	Ung bướu	BSYK	62.0	5	67.0	
35	35	Trịnh Minh Phương		25/4/2001	CĐHA&ĐQCT	BSYK	50.0		50.0	
36	36	Nông Thị Như Quỳnh		02/03/2001	CĐHA&ĐQCT	BSYK	56.0	5	61.0	
37	37	Hoàng Thái Sơn	24/11/2000		Ngoại TK-CS	BSYK	60.0	5	65.0	
38	38	Trần Mỹ Tâm		17/10/2002	Cấp cứu	BSYK	85.5		85.5	
39	39	Nguyễn Thị Thanh Tâm		08/3/2001	Ngoại TM-LN	BSYK	54.0	5	59.0	
40	40	Nông Thị Thắm		04/11/1998	HSTC-CĐ	BSYK	51.0	5	56.0	
41	41	Hà Diệu Thanh		08/6/2001	HSTC-CĐ	BSYK	79.5		79.5	
42	42	Phạm Thị Phương Thảo		18/01/2000	Cấp cứu	BSYK	53.0		53.0	
43	43	Dương Thị Thảo		19/4/2001	Da liễu	BSYK	76.5		76.5	
44	44	Quách Thị Thơ		02/8/1991	Sơ sinh-CC nhi	BSĐK	44.5	5	49.5	
45	45	Bàn Thị Thu		20/9/1996	Sơ sinh-CC nhi	BSYK	42.5	5	47.5	
46	46	Vũ Thu Thủy		15/4/2000	Da liễu	BSYK	28.0		28.0	
47	47	Nguyễn Thị Trang		15/01/2002	Sơ sinh-CC nhi	BSYK	60.0	5	65.0	
48	48	Bùi Anh Tú		10/11/2002	Ung bướu	BSYK	48.0	5	53.0	
49	49	Nguyễn Đức Tuân	21/10/2001		LK-BVSK	BSYK	52.5	5	57.5	
50	50	Nguyễn Thị Thu Uyên		03/8/2002	Cấp cứu	BSYK	86.5		86.5	
51	51	La Trọng Vinh	13/3/2002		Ngoại TH-GM	BSĐK	48.5	5	53.5	
52	52	Dương Thị Phương Anh		13/5/2003	KCBTYC	CNĐD	85.0	5	90.0	
53	53	Nguyễn Minh Anh		02/5/2001	Ung bướu	CNĐD	83.5	5	88.5	
54	54	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		28/4/2003	Ung bướu	CNĐD	43.0		43.0	
55	55	Nguyễn Anh Đức	19/5/2003		HSTC-CĐ	CNĐD	47.0		47.0	
56	56	Đoàn Thu Giang		17/12/2000	HSTC-CĐ	CNĐD	86.0		86.0	
57	57	Đinh Thị Hương Giang		25/5/2002	HSTC-CĐ	CNĐD	91.0		91.0	
58	58	Nguyễn Thị Hiền Hà		05/8/2004	Ngoại Tiết niệu	CNĐD	84.0		84.0	
59	59	Trần Thị Hạnh		29/10/2004	HSTC-CĐ	CNĐD	59.0	5	64.0	
60	60	Nguyễn Thị Hiền		22/8/2003	TMH	CNĐD	83.0		83.0	
61	61	Nguyễn Thị Phương Hoài		20/10/2004	HHLS	CNĐD	93.0		93.0	
62	62	Mông Thị Huệ		07/7/2001	Cấp cứu	CNĐD	87.0	5	92.0	
63	63	Nguyễn Ngọc Hưng	24/8/2002		CTCH	CNĐD	90.0		90.0	
64	64	Mông Thu Huyền		08/02/2004	Cấp cứu	CNĐD	55.0	5	60.0	
65	65	Nguyễn Thị Thu Huyền		18/11/1998	HSTC-CĐ	CNĐD	83.0		83.0	
66	66	Nguyễn Khánh Huyền		25/8/2003	Ngoại TH-GM	CNĐD	83.0		83.0	
67	67	Đỗ Thu Huyền		20/01/2000	Ung bướu	CNĐD	84.0		84.0	

68	68	Hoàng Thị Ngọc Lan		04/01/2001	Ung bướu	CNĐD	78.0	5	83.0	
69	69	Cao Thị Thảo Linh		29/9/2002	CTCH	CNĐD	53.0		53.0	
70	70	Nguyễn Thị Thùy Linh		21/7/2001	Nội tiết	CNĐD	85.0		85.0	
71	71	Trần Thị Huyền Linh		12/11/2003	Ung bướu	CNĐD	88.0		88.0	
72	72	Vi Thị Mai Loan		14/10/1998	HSTC-CĐ	CNĐD	33.0	5	38.0	
73	73	Phạm Thị Hoài Ngọc		19/9/2001	HSTC-CĐ	CNĐD	84.0		84.0	
74	74	Nguyễn Thị Nhàn		16/02/2001	CTCH	CNĐD	91.0	5	96.0	
75	75	Đỗ Trang Nhi		12/5/2002	Da liễu	CNĐD	93.0		93.0	
76	76	Triệu Thị Thắm		26/12/2004	Nội Tiêu hóa	CNĐD	52.0	5	57.0	
77	77	Lê Thị Thương		02/9/2001	HSTC-CĐ	CNĐD	64.0		64.0	
78	78	Lưu Thị Thúy		29/10/1997	Hô hấp	CNĐD	88.0	5	93.0	
79	79	Nguyễn Thị Thu Thùy		23/11/2004	HSTC-CĐ	CNĐD	90.0		90.0	
80	80	Đỗ Thu Trang		07/11/2004	CC-CTTM	CNĐD	95.0		95.0	
81	81	Nguyễn Thùy Trang		20/7/2003	Ngoại Nhi	CNĐD	83.0		83.0	
82	82	Nguyễn Thu Trang		04/02/2004	Ngoại TK-CS	CNĐD	96.0		96.0	
83	83	Hoàng Thị Thu Trang		11/11/2002	Ung bướu	CNĐD	81.0		81.0	
84	84	Nguyễn Linh Tri		25/9/2002	Ngoại Nhi	CNĐD	83.0		83.0	
85	85	Hoàng Kim Tuyến		20/3/2002	Ngoại TM-LN	CNĐD	86.0	5	91.0	
86	86	Đỗ Thu Uyên		24/4/2002	HSTC-CĐ	CNĐD	85.0		85.0	
87	87	Nguyễn Hoàng Anh		19/4/2005	HSTC-CĐ	CĐĐD	93.0		93.0	
88	88	Ngô Thị Ngọc Anh		30/9/2005	HSTC-CĐ	CĐĐD	90.0		90.0	
89	89	Nguyễn Phùng Thị Diễm		04/4/1995	HSTC-CĐ	CĐĐD	66.5	5	71.5	
90	90	Đỗ Thanh Hải	22/3/2005		Ngoại Tiết niệu	CĐĐD	88.5		88.5	
91	91	Lý Thị Hương Hằng		02/9/2003	HSTC-CĐ	CĐĐD	66.5	5	71.5	
92	92	Phạm Thị Hạnh		02/6/1985	Nội Thận - TN&LM	CĐĐD	59.0		59.0	
93	93	Nguyễn Thị Hiền		22/01/1995	KCBTYC	CĐĐD	88.5		88.5	
94	94	Dương Quốc Hoàng	24/9/1996		Ung bướu	CĐĐD	87.0		87.0	
95	95	Lê Phương Hồng		01/3/1996	KCBTYC	CĐĐD	68.0		68.0	
96	96	Trương Thị Huệ		23/12/2004	SS-CC nhi	CĐĐD	92.5	5	97.5	
97	97	Nguyễn Lan Hương		05/3/2004	Ung bướu	CĐĐD	89.5	5	94.5	
98	98	Triệu Thu Huyền		05/4/1994	HSTC-CĐ	CĐĐD	88.5	5	93.5	
99	99	Hoàng Thị Huyền		18/8/2004	HSTC-CĐ	CĐĐD	89.5		89.5	
100	100	Mạc Thị Ngọc Linh		22/11/2005	Ngoại Tiết niệu	CĐĐD	61.5	5	66.5	
101	101	Nguyễn Ngọc Khánh Linh		23/8/2004	Ung bướu	CĐĐD	78.5		78.5	
102	102	Vũ Hoàng Mai Linh		06/12/2004	Ung bướu	CĐĐD	82.0		82.0	
103	103	Nguyễn Ngọc Ly		26/8/2005	Cấp cứu	CĐĐD	94.5		94.5	

104	104	Liễu Thị Xuân Mai		26/9/2004	HSTC-CĐ	CĐĐD	89.0	5	94.0	
105	105	Mai Hoàng My		20/7/2003	Cấp cứu	CĐĐD	64.5	5	69.5	
106	106	Đỗ Minh Ngọc		15/9/2005	Ngoại Tiết niệu	CĐĐD	66.5	5	71.5	
107	107	Đoàn Yến Nhi		26/7/2005	HSTC-CĐ	CĐĐD	86.0		86.0	
108	108	Hoàng Thị Bích Phương		01/11/1996	HSTC-CĐ	CĐĐD	98.5		98.5	
109	109	Trịnh Thu Phương		02/11/2001	Nội Thận - TN&LM	CĐĐD	87.0		87.0	
110	110	Nguyễn Thị Tú Quyên		03/9/1992	Cấp cứu	CĐĐD	92.0		92.0	
111	111	Nguyễn Như Quỳnh		20/8/2003	Ung bướu	CĐĐD	85.0		85.0	
112	112	Phạm Duy Sơn	10/10/1994		CC-CTTM	CĐĐD	53.0	2.5	55.5	
113	113	Đào Trọng Tấn	07/02/2005		CC-CTTM	CĐĐD	88.5		88.5	
114	114	Nguyễn Phương Thảo		15/8/1995	SS-CC nhi	CĐĐD	60.0		60.0	
115	115	Võ Huyền Trang		23/11/1994	Ung bướu	CĐĐD	0.0		0.0	Bỏ thi
116	116	Hà Tuấn Vũ	01/01/2004		HSTC-CĐ	CĐĐD	86.0	5	91.0	
117	117	Hoàng Thu Hà		19/11/2004	SPKDVCLC	CNHS	88.5		88.5	
118	118	Trần Thị Thanh Hà		31/5/2003	SPKDVCLC	CNHS	84.0		84.0	
119	119	Dương Như Quỳnh		18/9/1998	SPKDVCLC	CĐHS	84.5	5	89.5	
120	120	Nguyễn Thị Linh Chi		22/12/2003	HHTM	CN KTXNYH	0.0		0.0	Bỏ thi
121	121	Nguyễn Thị Việt Hà		06/7/2004	HHTM	CN KTXNYH	66.9		66.9	
122	122	Trịnh Dương Hùng	15/01/2004		CĐHA&ĐQCT	CNKTHAYH	95.0	5	100.0	
123	123	Đỗ Thị Thu Huyền		18/3/2003	HHTM	CN KTXNYH	81.0		81.0	
124	124	Hà Nhân Khải	05/02/2004		CĐHA&ĐQCT	CNKTHAYH	78.0		78.0	
125	125	Phạm Đăng Khoa	05/8/2004		CĐHA&ĐQCT	CNKTHAYH	97.0		97.0	
126	126	Trần Diệu Linh		28/6/2004	HHTM	CN KTXNYH	85.4		85.4	
127	127	Lương Bảo Long	07/9/2004		HHTM	CN KTXNYH	72.5		72.5	
128	128	Vũ Thị Hải My		26/8/2004	HHTM	CN KTXNYH	56.6		56.6	
129	129	Nguyễn Thị Kim Ngân		26/12/2002	HHTM	CN KTXNYH	0.0	5	5.0	Bỏ thi
130	130	Bùi Ngọc Thu		15/8/2004	HHTM	CN KTXNYH	63.3		63.3	
131	131	Vũ Khánh Toàn	19/10/2002		HHTM	CN KTXNYH	68.0		68.0	
132	132	Long Thị Trà		08/7/2000	HHTM	CN KTXNYH	51.5	5	56.5	
133	133	Nguyễn Quốc Trung	26/8/2003		HHTM	CN KTXNYH	64.3		64.3	
134	134	Phạm Phương Uyên		19/9/2004	HHTM	CN KTXNYH	53.8	5	58.8	
135	135	Trần Thị Thảo Vân		03/9/2003	HHTM	CN KTXNYH	83.3		83.3	
136	136	Phạm Thị Kim Yến		24/8/2002	HHTM	CN KTXNYH	61.0		61.0	
137	137	Đoàn Thị Thu Hằng		21/01/1983	Dược	ĐH Dược	40.5		40.5	
138	138	Nguyễn Thị Khánh Linh		05/12/2003	Dược	ĐH Dược	0.0		0.0	Bỏ thi
139	139	Nguyễn Cảnh Nguyên	28/4/2000		Dược	ĐH Dược	88.0		88.0	

140	140	Nguyễn Hải Nhi		29/01/2000	Dược	ĐH Dược	0.0		0.0	Bỏ thi
141	141	Nguyễn Thị Phượng		22/02/2002	Dược	ĐH Dược	62.5		62.5	
142	142	Phạm Thị Diễm Quỳnh		12/10/2003	Dược	ĐH Dược	90.0		90.0	
143	143	Nguyễn Thị Thu Uyên		29/4/2002	Dược	ĐH Dược	42.0		42.0	
144	144	Dương Thị Thu Hằng		07/4/1987	Dược	ĐH Dược	81.0	5	86.0	
145	145	Nguyễn Hoàng Tuấn Khải	28/7/2000		Dược	CĐ Dược	42.0	5	47.0	
146	146	Bùi Thị Kiều Linh		08/01/1995	Dược	CĐ Dược	74.5		74.5	
147	147	Bùi Thị Loan		09/6/1989	Dược	CĐ Dược	48.0		48.0	
148	148	Nguyễn Bảo Ngọc		12/8/1990	Dược	CĐ Dược	48.5		48.5	
149	149	Phạm Thị Thoa		15/9/2001	Dược	CĐ Dược	30.8		30.8	
150	150	Nguyễn Thị Thúy		18/02/2005	Dược	CĐ Dược	39.0	5	44.0	
151	151	Dương Thị Thanh Thùy		07/01/2003	Dược	CĐ Dược	42.0		42.0	
152	152	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		29/8/2002	TCKT	ThS TCNH	39.8		39.8	
153	153	Nguyễn Thị Mai Anh		06/10/1999	TCKT	CN Kế toán	68.5		68.5	
154	154	Vũ Xuân Ánh		03/5/2003	TCKT	CN Kế toán	34.3		34.3	
155	155	Trần Minh Đức	24/4/2001		TCKT	CN Kế toán	23.5		23.5	
156	156	Hoàng Ngọc Đăng Dương		20/9/2001	TCKT	CN TCNH	24.3	5	29.3	
157	157	Chu Thị Thanh Hà		30/10/2000	TCKT	CN Kế toán	48.8	5	53.8	
158	158	Hoàng Thùy Linh		01/12/2001	TCKT	CN Kế toán	0.0		0.0	Bỏ thi
159	159	Vi Thị Thúy Quỳnh		27/02/2002	TCKT	CN Kế toán	34.3	5	39.3	
160	160	Hứa Thị Như Quỳnh		11/5/2002	TCKT	CN TCNH	29.8	5	34.8	
161	161	Nguyễn Thanh Thảo		10/7/2003	TCKT	CN TCNH	20.5		20.5	
162	162	Phạm Thu Trang		09/8/2000	TCKT	CN Kế toán	75.5		75.5	
163	163	Nguyễn Thùy Trang		20/01/1995	TCKT	CN Kế toán	36.3		36.3	
164	164	Hoàng Thị Vân		15/10/1997	TCKT	CN TCNH	33.8	5	38.8	
165	165	Dương Quang Anh	24/6/1998		Vật tư-TBYT	KS KTĐiện, Điện tử	57.8		57.8	
166	166	Hoàng Thị Hương Giang		12/6/2002	ĐT&CĐT	CN Luật	55.8	5	60.8	
167	167	Đại Minh Hiếu	23/9/2002		KHTH	YHDP	13.5		13.5	
168	168	Nguyễn Thị Thanh Hoa		26/01/1988	Vật tư-TBYT	CN Kế toán	14.5	5	19.5	
169	169	Nông Thị Việt Hòa		03/6/2000	ĐT&CĐT	CN Luật	14.5	5	19.5	
170	170	Nguyễn Thị Hương		26/12/2000	ĐT&CĐT	CN Luật	29.0		29.0	
171	171	Ngô Thị Thanh Huyền		04/11/1994	ĐT&CĐT	CN Luật	40.0		40.0	
172	172	Đỗ Mai Linh		13/12/2003	ĐT&CĐT	CN Luật	15.0		15.0	
173	173	Nguyễn Thị Nhật Linh		16/9/1992	Vật tư-TBYT	CN Kế toán	59.8		59.8	
174	174	Lê Thị Mây		04/3/1995	ĐT&CĐT	CN Luật	21.3	5	26.3	
175	175	Hoàng Thị Bình Minh		04/5/1997	ĐT&CĐT	CN Luật	0.0	5	5.0	Bỏ thi

176	176	Nguyễn Bảo Sơn	25/8/2001		KHTH	YHDP	53.0		53.0	
177	177	Trương Thị Thu Thảo		11/11/1995	ĐT&CĐT	CN Luật	0.0		0.0	Bỏ thi
178	178	Dương Thị Thuận		06/11/2001	ĐT&CĐT	CN Luật	0.0	5	5.0	Bỏ thi
179	179	Trần Thu Trang		20/4/2002	KHTH	YHDP	13.5		13.5	

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 11 năm 2026

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC
BS.CKII. HÀ TIẾN QUANG